TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **735/2026/QĐST-HNGĐ** *Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 12, khoản 1 Điều 35, khoản 1 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 924/2026/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Bà Mai Bích P, sinh năm 1993. CCCD số: 001193015834. Nhân khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Số 10, ngách 53/9, ngõ V H, Tôn Đ T, phường V1 M1-Q T1 G, thành phố H1.

2. Ông Lê Duy H, sinh năm 1993. CCCD số: 001093041718. Nhân khẩu thường trú: 23 Đồng X, phường H2 K, thành phố H1. Nơi ở hiện tại: Số 41, ngách 14/30 Mễ T2 H3, TDP số 2, phường T2 L. Thành phố H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Mai Bích P và ông Lê Duy H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 03 năm 2015 tại: UBND phường Đồng X, quận H2 K, thành phố H1 (nay là phường H2 K, thành phố H) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 07 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 07 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Mai Bích P và ông Lê Duy H.

- *Về con chung:* Bà Mai Bích P và ông Lê Duy H xác nhận có 02 con chung là cháu Lê Yến N sinh ngày 16/03/2015, giới tính: nữ và cháu Lê Hà L1 sinh ngày 22/03/2017, giới tính: nam. Sau khi ly hôn, bà Mai Bích P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Lê Yến N và Lê Hà L1 kể từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu N và cháu L1 trưởng thành (đủ 18 tuổi), khỏe mạnh hoặc có sự thay đổi khác. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng/con, tổng là 20.000.000 đồng/tháng. Ông H có quyền đi lại, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nhà ở:* Ông bà không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về các khoản vay nợ*: Ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về lệ phí:* Bà Mai Bích P tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001047 ngày 13/07/2026 của Thi hành án dân sự H1. Bà P đã nộp đủ án phí

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND Khu vực 2 – H1;
- Phòng THADS khu vực 2 – H1;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường H2 K, thành phố H1).
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

TAND KHU VỰC 2

0NG030826.TLQDBA
2977

Phạm Thị Thanh Phương